

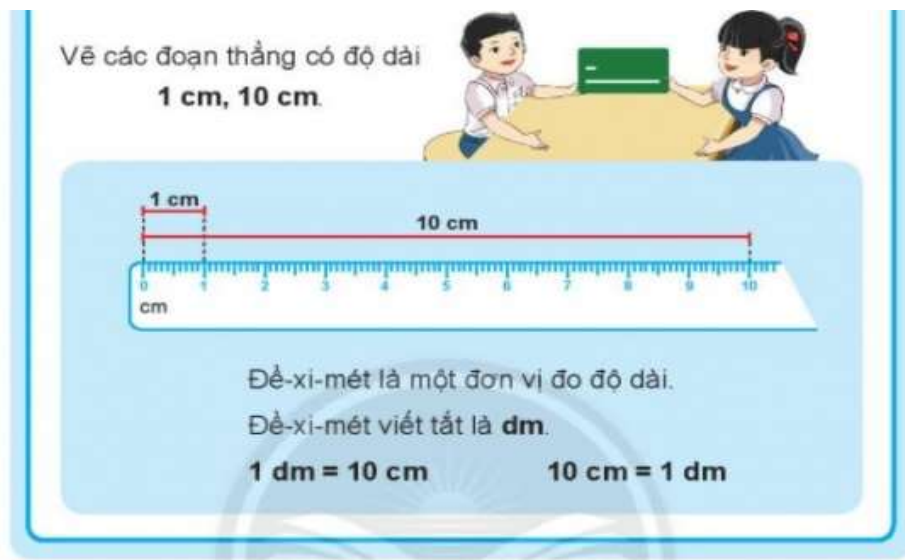
Họ tên:.....Lớp:.....

TOÁN

BÀI: ĐỀ - XI - MÉT

(Sách Toán lớp 2, trang 31 – 33)

• Kiến thức mới:



• Thực hành:

1



dm dm

2 dm

7 dm

12 dm

2

a)



• Số?

Gang tay em dài cm.

• Điền Dài hơn, ngắn hơn hay dài bằng?

Gang tay em: 1dm

..... 2dm

Hướng dẫn:

- HS đo và ghi số đo độ dài gang tay của chính mình vào chỗ chấm.

- Lưu ý: $1dm = 10cm$

$10cm = 1dm$

a) Ước lượng.



Hướng dẫn:

- HS ước lượng chiều dài, chiều rộng quyển sách bằng độ dài gang tay.

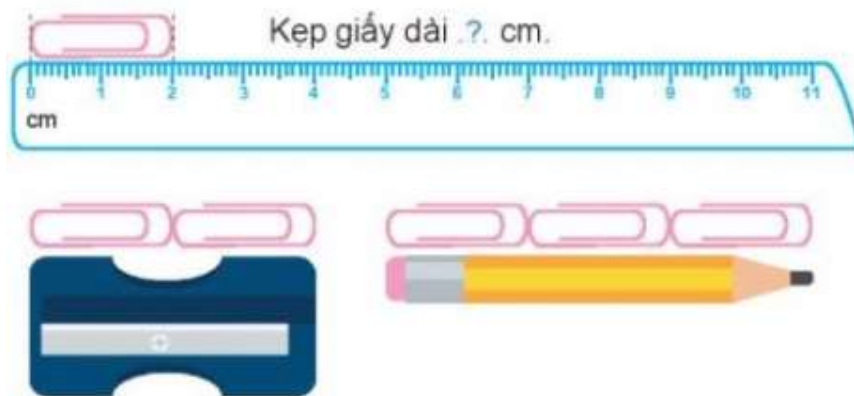
• Số?

Chiều rộng: khoảng dm.

Chiều dài: khoảng dm.

• Luyện tập

1 Số?



... cm + ... cm = ... cm

... cm + ... cm + ... cm = ... cm

Dụng cụ gọt bút chì dài: ... cm.

Bút chì dài: ... cm.

2 Tính:

a) 6 cm + 3 cm

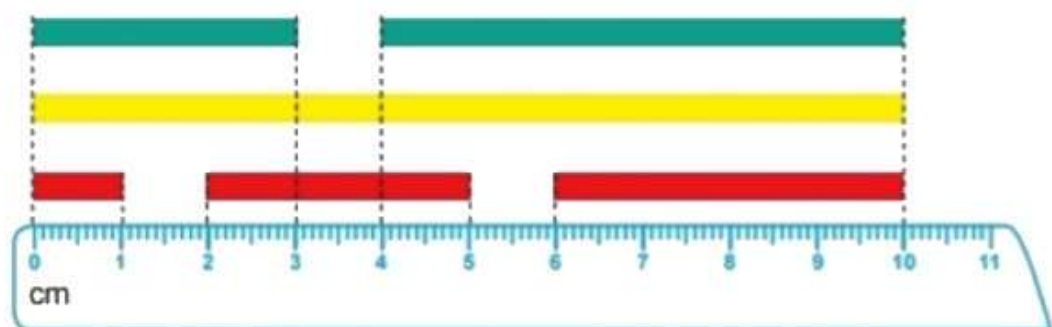
b) 3 cm + 7 cm - 9 cm

10 dm - 4 dm

8 dm - 6 dm + 8 dm

3 Người ta cắt rời các băng giấy màu xanh và màu đỏ (như hình vẽ).

Trước khi cắt:



a) **Số?**

Băng giấy màu xanh dài: ... cm

Băng giấy màu vàng dài: ... cm

Băng giấy màu đỏ dài: ... cm

b) **Xanh, vàng hay đỏ?**

Băng giấy **dài nhất** màu

Băng giấy **ngắn nhất** màu

4

Số?

a) 1 dm = cm

2 dm = cm

7 dm = cm

b) 10 cm = dm

20 cm = dm

50 cm = dm

Hướng dẫn:

$1\text{ dm} = 10\text{ cm}; 10\text{ cm} = 1\text{ dm}$

5

Số?

Anh cao 15 dm

Em cao 12 dm

Anh cao hơn em: dm

Em thấp hơn anh: dm



Hướng dẫn:

- Để biết anh cao hơn em bao nhiêu và em thấp hơn anh bao nhiêu, HS tìm phần chênh lệch độ cao của anh và em bằng phép toán trừ.

6

Ước lượng rồi đo chiều rộng bàn học.

Ước lượng: ... dm

Đo: ... dm



Hướng dẫn:

- Xác định đúng chiều rộng của bàn học.
- Ước lượng chiều rộng bàn học bằng gang tay.
- Đo chiều rộng bàn học bằng thước có vạch chia đơn vị xăng-ti-mét.